

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC THỦY
TỈNH HÀ BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/DSST

V/v kiện xin ly hôn.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC THỦY – HÀ BÌNH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: ông Vũ Hải Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Phạm Anh Đức;

2. Ông: Lê Đức Ty.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà - Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Thủy tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Mai.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023 Tại Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 58/2023/ HNGD ngày 31 tháng 7 năm 2023 về việc kiện xin ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXX-DS ngày 05 tháng 9 năm 2023; Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Bùi Thị T**, sinh năm 1976. Có đơn xin xét xử vắng mặt Trú tại: khu M, thị trấn C, huyện L, tỉnh Hoà Bình.

2. Bị Đơn: anh **Trần Văn K**, sinh năm 1972. Có đơn xin xét xử vắng mặt. HKTT: khu M, thị trấn C, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Hiện đang trú tại: số 1506/17 H, phường P, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn của chị Bùi Thị T trình bày như sau:

1. Về hôn nhân: Ngày 17/10/1998, chị tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Trần Văn K tại UBND thị trấn C, huyện L, tỉnh Hoà Bình. Hai anh chị chung sống hoà thuận được mười năm đầu. Đến năm 2010 thì giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nên đời sống hôn nhân rơi vào bế tắc, tình cảm giữa hai vợ chồng rạn nứt. Đến nay, hai anh chị đã sống ly thân khoảng bảy năm. Xét thấy tình cảm không còn, Chị T đề nghị Toà án nhân dân huyện Lạc Thủy giải quyết cho hai anh chị ly hôn.

2. Về con chung: Anh chị có 02 con chung: Trần Hà P, sinh ngày 11/03/1999 và Trần Đức B, sinh ngày 14/10/2006. Con Trần Hà P đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết. Con Trần Đức B hiện đang ở với chị, chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con, chưa yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Trần Văn K gửi về Toà án, trình bày như sau:

1. Về thẩm quyền giải quyết của Toà án: anh nhất trí đề nghị Toà án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hoà Bình giải quyết vụ kiện ly hôn giữa anh và chị Bùi Thị T.

2. Về hôn nhân: anh K xác nhận lời trình bày của chị T về quá trình kết hôn và chung sống như chị T trình bày là đúng sự thật. Xét thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị Bùi Thị T.

2. Về con chung: anh xác nhận hai anh chị có 02 con chung như chị T trình bày và nhất trí với ý kiến của chị T: con Trần Hà P đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết. Nhất trí giao con Trần Đức B, sinh ngày 14/10/2006 cho chị Bùi Thị T tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: anh chị tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về tài sản chung: các đương sự tự thoả thuận, chưa yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về công nợ chung: không có.

5. Vì lý do công việc không thể về giải quyết và tham gia phiên tòa, anh K đề nghị Toà án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hoà Bình xét xử vắng mặt anh theo các nguyện vọng như anh đã trình bày trong bản tự khai.

Toà án tiến hành xác minh thu thập chứng cứ. Ông Nguyễn Đức T- trưởng khu M, thị trấn C, huyện L, tỉnh Hoà Bình và ông Nguyễn Quốc V – Phó chủ tịch UBND thị trấn C, huyện L, tỉnh Hoà Bình cho biết: chị Bùi Thị T và anh Trần Văn K có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện L, tỉnh Hoà Bình năm 1998. Trong quá trình chung sống, giữa hai anh chị không có mâu thuẫn lớn, đến năm 2017 thì hai anh chị sống ly thân cho tới nay.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình, tuân thủ quy định luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt quy định trong tố tụng dân sự và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 điều 51, điều 56, điều 81, điều 82 và điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Bùi Thị T.

2. Về con chung:

Con Trần Hà P, sinh ngày 11/03/1999 đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết. Giao con Trần Đức B, sinh ngày 14/10/2006 cho chị Bùi Thị T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con trưởng thành. Anh K có quyền thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1.]Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: anh Bùi Văn K hiện có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu M, thị trấn C, huyện L, tỉnh Hoà Bình và đang cư trú tại: số 1506/17, H, phường P, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Anh K đã có văn bản lựa chọn Toà án nhân dân huyện Lạc

Thủy, tỉnh Hoà Bình giải quyết vụ kiện ly hôn giữa anh và chị Bùi Thị T. Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS)

Nguyên đơn: chị Bùi Thị T và bị đơn: anh Trần Văn K đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án không hoãn phiên toà, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

- Về quan hệ tranh chấp: chị Bùi Thị T và anh Trần Văn K đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện L, tỉnh Hoà Bình và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17 tháng 10 năm 1998. Chị T khởi kiện xin ly hôn với anh K, Tòa án đã thụ lý và xác định quan hệ tranh chấp là: ly hôn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

[3.] Về quan hệ hôn nhân: xét thấy hôn nhân giữa chị Bùi Thị T và anh Trần Văn K là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp và tiến bộ. Sau kết hôn, hai vợ chồng chung sống hòa thuận cho đến khoảng năm 2017 thì xảy ra bất đồng quan điểm, mâu thuẫn căng thẳng, hai anh chị đã sống ly thân đến nay. Mâu thuẫn giữa hai anh chị đã được gia đình hai bên hoà giải nhưng không có kết quả. Chị T và anh K cùng nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho hai anh chị ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị Bùi Thị T và anh Trần Văn K đã trầm trọng, thời gian sống ly thân đã lâu, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T: xin ly hôn với anh Trần Văn K.

[4]Về con chung: Chị T và anh K có 02 con chung: Trần Hà P, sinh ngày 11/03/1999 và Trần Đức B, sinh ngày 14/10/2006. Con Trần Hà P đã trưởng thành, hai anh chị đều nhất trí không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, chị T và anh K đều nhất trí giao con là Trần Đức B cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, bản thân cháu Trần Đức B cũng thể hiện nguyện vọng trong bản tự khai là tiếp tục được ở với mẹ, xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên chấp nhận; về cấp dưỡng nuôi con: các đương sự tự thoả thuận.

[5]Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6]. Về công nợ: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]Về án phí và quyền kháng cáo

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn chị Bùi Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 điều 51, điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5, điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị T, tuyên xử cho chị Bùi Thị T ly hôn với anh Trần Văn K.

2. Về con chung:

Con Trần Hà P, sinh ngày 11/03/1999 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao con Trần Đức B, sinh ngày 14/10/2006 cho chị Bùi Thị T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con trưởng thành. Anh K có quyền thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: các đương sự tự thỏa thuận, chưa yêu cầu pháp luật can thiệp.

3. Về tài sản chung: các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về công nợ: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết,

5. Về án phí: chị Bùi Thị T nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số: 0000278 ngày 31/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Thủy.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HB;
- VKSND huyện LT;
- THADS huyện LT;
- UBND TT C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Vũ Hải Dương

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HB;
- VKSND huyện LT;
- THADS huyện LT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.